

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MÙ CANG CHẢI
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 22 -5 - 2025

*V/v: Không công nhận là vợ chồng,
tranh chấp nuôi con chung.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÙ CANG CHẢI, TỈNH YÊN BÁI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Tòng Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Minh Nguyệt.

Ông Sùng A Xà.

- Thư ký phiên toà: Ông Lý A Đà - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: Ông Lý A Việt- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2025/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2025 về việc: Không công nhận là vợ chồng và tranh chấp về việc nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:14/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 06/2005/QDST- HNGĐ ngày 22/04/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Mùa Thị S, sinh năm 1990; Địa chỉ: Bản H, xã K, huyện M, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Hờ A S1, sinh năm 1989; Địa chỉ: Bản H, xã K, huyện M, tỉnh Yên Bái. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Đội 27, Phân trại số 02, Trại giam H1, đóng tại xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

- Người phiên dịch: Ông Thào A D; Trú tại: Tổ E, thị trấn M, huyện M, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 12/03/2025 và Biên bản lấy lời khai của đương sự chị Mùa Thị S trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị S và anh H A S1 chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005, đến nay chưa có đăng ký kết hôn, chỉ tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương. C sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau, anh S1 không quan tâm đến vợ, con và gia đình. Khi xảy ra mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện, mâu thuẫn gia đình trầm trọng và đã ly thân nhiều năm. Chị S xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận là vợ chồng và giải quyết việc nuôi con chung.

* Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, họ tên như sau:

1. Hồ Páo Cửa, sinh ngày 12/06/2006 (đã trưởng thành trên 18 tuổi)
2. Hồ A G, sinh ngày 15/06/2008.

Hiện nay con đang sinh sống tại bản Háng Đẻ Đài, xã K, huyện M, tỉnh Yên Bái. Chị S đề nghị Tòa án giải quyết cho chị trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hồ A G, sinh ngày 15/06/2008 và không yêu cầu anh S1 cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/04/2025, bị đơn Hồ A S1 trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Anh S1 chung sống như vợ chồng với chị Mùa Thị S từ năm 2005, không đăng ký kết hôn; anh S1 cho rằng không có mâu thuẫn gì và không biết lý do chị S ly hôn; bản thân anh S1 đang chấp hành án tại Trại giam H1- Cục C1- Bộ C2. Nay chị S2 làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn, anh S1 không nhất trí ly hôn với chị S.

* Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, họ tên như sau:

1. Hồ Páo Cửa, sinh ngày 12/06/2006 (đã trưởng thành trên 18 tuổi)
2. Hồ A G, sinh ngày 15/06/2008.

Hiện nay con đang sinh sống cùng mẹ tại bản Háng Đẻ Đài, xã K, huyện M, tỉnh Yên Bái. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

* Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Tại biên bản hoà giải ngày 02/04/2025 như sau:

Chị S và anh S1 thống nhất giao cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Hồ A G, sinh ngày 15/06/2008 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; anh S1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại biên bản xác minh ngày 03/4/2025 Ủy ban nhân dân xã K cho biết: Chị Mùa Thị S và anh H A S1 sử dụng chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005 không đăng ký kết hôn; Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã thì chị S và anh S1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản H, xã K, huyện M, tỉnh Yên Bái. Hiện anh S1 đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam H1, đóng tại xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái.

Đối với cháu H A G đi làm thuê, vắng mặt tại địa phương, không xác định được địa chỉ của cháu G ở đâu, làm gì.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải phát biểu ý kiến nhận định quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng; Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật; Bị đơn vắng mặt không có lý do; đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Mùa Thị S và anh H A S1 là vợ chồng.

Về con chung:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Chị Mùa Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H A G. Anh H A S1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái, Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Nguyên đơn Mùa Thị S khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn H A S1 cùng địa chỉ xã K, huyện M, tỉnh Yên Bái nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án nhân dân huyện Mù Cang Chải theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày 22-04- 2025 anh Hờ A S1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, do vậy Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa. Đến phiên tòa ngày hôm nay (ngày 22-05-2025) anh Hờ A S1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Hội đồng xét xử xét thấy chị Mùa Thị S và anh H A S1 có đủ điều kiện kết hôn, nhưng không đăng ký kết hôn nên đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, vì vậy quan hệ hôn nhân của chị S và anh S1 là không hợp pháp. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Không công nhận chị Mùa Thị S và anh H A S1 là vợ chồng.

[3]. Về con chung:

Công nhận sự thoả thuận của các đương sự như sau: Chị Mùa Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hờ A G.

[4]. Về việc cấp dưỡng nuôi con:

Chị S không đề nghị anh S1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét đến việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[5]. Về tài sản và nợ chung:

Do các đương sự đều không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với quan điểm Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quyền và lợi ích của các bên đương sự.

[7]. Về án phí: Nguyên đơn là đồng bào dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án để miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật cho nguyên đơn.

[8]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 238, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Mùa Thị S và anh H A S1 là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cho chị Mùa Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hờ A G, sinh ngày 15/06/2008. Đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh H A S1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, Điều 7, Điều 7A và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Khao Mang;
- Lưu HS

T. M HỌI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Tòng Văn Q